

Triết Lý Ngũ Hành

Kim Định và Việt Nhân

Nội Dung

I - Bảng Nguyệt Lệnh
II- Ngũ Hành
III- Vòng Sinh
IV- Vòng Khắc (khắc)
V- Hồng Phạm
VI- Cửu Trù
VII- Chử Viên

Triết Lý Ngũ Hành

I- Nguồn Gốc Văn Học
II- Nội Dung Văn Bản
III- Tương Sinh Tương Khắc
IV- Sự Khác Nhau Giữa Hà Đồ và Lạc Thư
VI- Triết Lý Ngũ Hành
VII- Trở Về Đất Tổ”

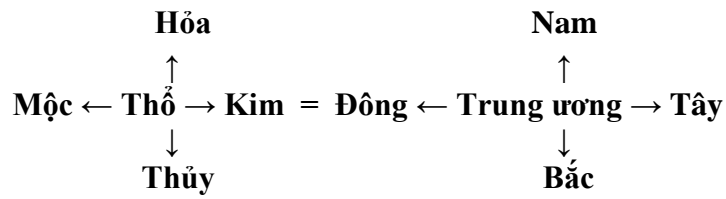
I.- BẢNG NGUYỆT LỆNH

(Kinh Lễ)

Ngũ Hành	Thủy	Hỏa	Mộc	Kim	Thổ
Thời Tiết	Đông	Hạ	Xuân	Thu	Tứ quý
Ngũ Phương	Bắc	Nam	Đông	Tây	Trung ương
Ngũ Tạng	Thận	Tâm	Can	Phế	Tỳ
Tác Dụng	Thị giác	Thính giác	Cử chỉ	Ngôn ngữ	Tư duy
Ngũ Sắc	Đen	Đỏ	Xanh	Trắng	Vàng
Ngũ Vị	Mặn	Đắng	Chua	Cay	Ngọt
Ngũ Cung	Vũ	Chủy	Giốc	Thương	Cung
5 Số	6	7	8	9	5
Thiên Can	Nhâm-Quý	Bính-Đinh	Giáp-Ất	Canh-Thân	Mậu-Kỷ

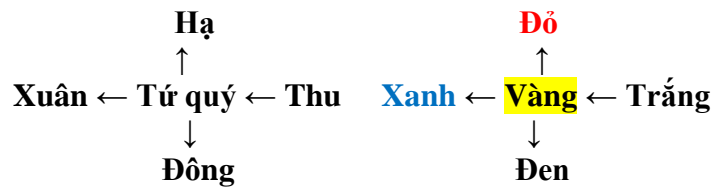
II.- Ngũ hành

Cơ cấu Không Thời gian và Ngũ sắc



Ngũ Hành

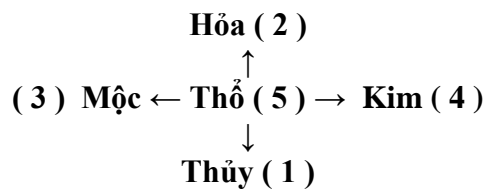
Cơ Cấu Không Gian



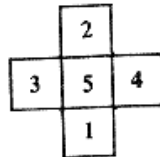
Cơ cấu Thời gian

Ngũ sắc

Số độ Ngũ hành



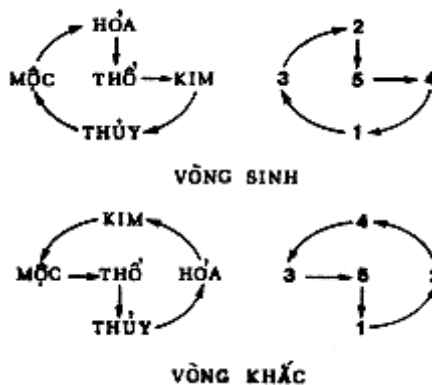
Đồ hình và số độ



(Nếu tách 4 ô xung quanh ra thì Ô của Hành Thổ sẽ Trống)

III.- Vòng Sinh

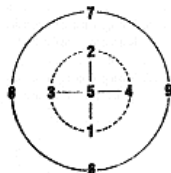
Đi theo chiều kim đồng hồ: Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ: 4 1 3 2 5



IV.- Vòng Khắc (khắc)

Đi ngược chiều kim đồng hồ: Thủy Hỏa Kim Mộc Thổ: 3 2 4 1 5

Vòng Trong vòng Ngoài



Vòng trong : (1, 2, 3, 4, 5). Vòng ngoài: (5+1= 6, 5+2=7, 5+3=8, 5+4=9)

V.- Hồng phạm

4	9	2
3	5	7
8	1	6

Hồng Phạm

4 Ngũ Kỳ	9 Ngũ Phúc Lục Cực	2 Ngũ Sự
3 Bát Chính	5 Hoàng Cực	7 Kế Nghi
8 Thứ Trưng	1 Ngũ Hành	6 Tam Đức

Cửu Trù

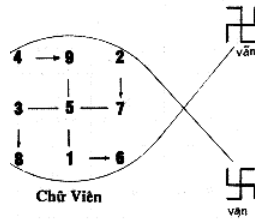
Hồng Phạm là mọi việc (4 góc mang số chẵn) đều phải theo mẫu lớn (Hồng phạm) là Ngũ hành đặt ở giữa .

VI.- Cửu Trù

Kể ra những việc cần làm cho một nước đời xưa . Toàn là những việc tinh thần, nên đáng gọi là Tâm linh sử quan. Đây là việc mẫu kê theo con số 9 của dân Lạc Việt gọi là Cửu Lạc.

VII.- Chữ Viên: Văn và Vạn

Chỉ cuộc sống viên mãn tròn đầy, gồm cả Văn lẫn Vạn. Viên = Văn + Vạn



Văn là Tu thân cho đến độ coi sống chết như nhau (tức đắc Đạo). Vạn là toả ra cùng khắp hết đến độ “ Tế thể An bang “, tức là việc thiện việc nghĩa lớn lao hơn hết có thể có ở Đời. Chữ Viên chỉ có ở Việt Nho cũng như ý tưởng Tế thể An bang vậy .

NGŨ HÀNH

(Chữ Thời: Đường đi của Thời Không hay triết lý Ngũ hành. Kim Định)

I.- Nguồn gốc văn học

“ Không mấy phạm trù bị xuyên tạc và hiểu lầm bằng Ngũ hành. Nó bị ngộ nhận kể ngay từ những người đầy thiện chí và giàu cảm tình với triết Đông. Hơn thế có thể nói nó đã bị chôn vùi từ đời Hán. Và từ đó chỉ còn lơ lửng trên mặt đất một vài ngón tay hay ngón chân nên rất khó có được một nhận thức trung thực về triết lý Ngũ hành.

Thế mà Ngũ hành lại là cái khung căn bản của triết lý Đông phương, có hiểu được thì toàn bộ mới ăn chịu nhau hòa hợp “ Ngũ vị tương đắc nhi các hữu hợp “ (Hệ từ). Ngũ hành là nền tảng cho thể chế Minh đường, và Nguyệt lệnh, cả hai là nơi thai nghén ra Hồng Phạm và Hồng phạm là mô hình bản cốt của triết lý siêu hình chính trị Việt Nho.

Nhận thức được điều đó tức cũng là nhận thức được tầm quan trọng trong sự hiểu được cách đích thực ý nghĩa uyên nguyên của thuyết Ngũ hành. Muốn được thế việc làm đầu tiên là tìm về nguồn gốc văn học nghĩa là **tim ra bản văn lâu đời nhất**, khả dĩ được coi như trực tiếp xuất phát từ truyền thống chưa bị pha tạp. Vì cho tới nay sở dĩ ý nghĩa đó không mấy được nhìn nhận ra là do học giả đã chú trọng rất ít tới bản văn đầu tiên, nhưng đã coi ngang nhau cả những bản văn về sau từ đời **Châu Diển, Hoài Nam Tử hay Đông Trạng Thư**, tức là những bản văn xuất hiện về sau vào **lối**

thế kỷ thứ 5 đến 2 trước kỷ nguyên với những hình thái đã biến thể, nên không nhận ra lối sắp đặt uyên nguyên. Cần phải đi lên nữa và chúng ta nhận ra **bản văn cổ đại nhất nằm trong Kinh Thư ở thiên Nghiêu Diễn và thiên Hồng phạm**, nơi nói đến Ngũ hành lần đầu tiên. Kinh Thư có thể san định vào đời Khổng Tử, nhưng **hai thiên Nghiêu diễn và Hồng phạm có đã lâu đời ít ra về căn bản**. Đã một đạo các học giả cho rằng thuyết Ngũ hành do Châu Diễn sáng lập. Nhưng ngày nay thuyết đó không còn có thể đứng vững vì họ lẫn thuyết Ngũ Đế Đức với Ngũ hành, tức là lẫn lộn cái tùy với cái gốc.

Ngũ Đế Đức thì do Châu Diễn, nếu không thủ sáng thì ít ra cũng là tay truyền bá mạnh. Đến sau Đông Trọng Thư chịu ảnh hưởng này nhiều.

Còn thuyết Ngũ hành là căn bản cho Ngũ Đế Đức thì có lâu đời trước như đã đề án tích lại trong Nghiêu Diễn. Ngày nay được kiện chứng bằng phương vị tinh đầu (lieu sideral, loi des précessions: Precession des equinoxes là sự kiện khách quan có thể kiểm chứng bằng khoa học rất chính xác. Điều đó chlung tỏ không thể nào có chuyện giả mạo về phần căn cơ. Ấy là chưa kể đến những minh chứng về sử liệu chẳng hạn **nhà Thương dùng sắc Trắng**, và tên các vua có chữ của Thập can như **Bản Canh, Thái Giáp, Ốc Đinh, Ung Kỷ**. . . là những việc giả thiết đã phải có thuyết Ngũ hành trước rồi, vì màu sắc cũng như Thiên Can (Giáp Ất) là do Ngũ hành. Điều đó cũng thật về thiên Nghiêu Diễn đến nỗi **4 cung của 4 sao và Trung cung Bắc Đẩu** tức là khung Ngũ hành. Như vậy là chúng ta có thừa lý chứng về sự chính truyền và lâu đời của hai bản văn liên hệ tới Ngũ hành, tức là bản văn ghi lại một quan niệm triết lý được xuất phát **nếu không ở thế kỷ 27 thời Phục Hy thì ít ra ở thế kỷ 24 đời Nghiêu Thuấn**. Một sự giả mạo không thể nào có được vì nó đòi phải biết đến phương vị tinh đầu là điều lúc đó chưa đâu biết. Còn giả sử người lập ra biết được luật đó do trực thị thì đã chẳng thêm giả mạo, mà đương nhiên là đã là một vị Thủy Tổ rồi. Bối vậy ta có thể biết chắc tâm về giá trị chính truyền (authenticité) của tài liệu Ngũ hành trong hai thiên sách đó và ta khởi đầu nghiên cứu cái triết lý ẩn bên trong. “

II.- Nội dung bản văn

“ Bản văn chia ra 3 triệt:

Triệt nhất nói về thứ tự các hành.

Triệt hai nói về tính chất của mỗi hành.

Triệt ba nói về Ngũ vị: Mặn, Đắng, Chua, Cay, Ngọt: Hàm, Khổ,

Toan, Tân, Cam.

Triệt ba này thuộc Dụng tùy phụ vào Thể ở triệt hai. Vậy chúng ta chỉ cần tìm hiểu triệt hai về tính chất của mỗi hành:

1.- Thiên Hồng phạm nói:

Nước thâm xuống

Lửa bốc lên

Mộc uốn khúc để chính trực

Kim vâng theo để biến cải

Thổ ở chỗ gieo gặt.

Thủy viết nhuận hạ, Hỏa viết viêm thượng, Mộc viết khúc trực, Kim viết tòng cách, Thổ viết giá sắc

2.- Ý nghĩa của Hành: Yếu tính của Nước

Yếu tính của Nước là thâm xuống. Ông Granet phản đối Chavannes dịch chữ Việt là “est appelé”, vì như thế tách rời động tác ra khỏi Nước, y như Nước là Nước, còn động tác chảy xuống là ngoại tại không cấu tạo nên Nước. Hiểu lối đó là hiểu theo lối Tổ chất (élément) đã cụ thể động tác mất rồi. Ngược lại ở đây **yếu tính của nó chính là Tác động, chính là Hành**, nên Hành không bao giờ được hiểu la Danh từ, nhưng **phải hiểu là Động từ: Hành là đi là biến dịch, là diễn tiến một vận hành, vì đây đang ở vòng Sinh chưa đến vòng Thành**. Có thể nói còn ở trong đợt vì thế nơi không thể tưởng tượng ra sự vật mà một trật không có tác động của sự vật “on ne peut imaginer une chose sans poser une action de cette chose” (N.E.S). **Ở vòng Thành có thể tạm hiểu là élément, là vật thể như quen hiểu trong việc xếp Loại**. Chữ như đây là đợt Sinh thì hoàn toàn chỉ Động tác: “ Thủy viết nhuận hạ, Hỏa viết viêm thượng “ . . .

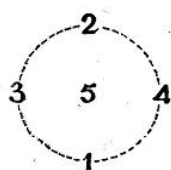
Ở đợt Sinh cốt cán Thủy không là Nước (đó sẽ là đợt Thành), không Là chất lỏng, nhưng là động tác Tầm xuống. Lửa cũng thế là động tác Đi lên, bốc lên. Lên xuống đều có hướng rõ rệt, là **Lên Xuống để giao nhau**. Do đó Ngũ hành là dịch là 5 éléments hay 5 substances đều chỉ tạm đúng có vòng ngoài. Dịch bằng chữ **Principe undergoing**: Nguyên lý đi ngầm dưới là gần nhất với chữ Hành vì nói lên được Động tác là đi. Tuy nhiên đó cũng mới là gần mà chưa đúng hẳn vì chưa biểu lộ hết cỡ cái đường vận hành là đường nằm ẩn trong.

3.-Về thứ tự Tiên thiên

Triệt thứ nhất: Nhất viết Thủy, nhị viết Hỏa, tam viết Mộc, tứ viết Kim, ngũ viết Thổ. Sở dĩ thứ tự này hay lẫn lộn vì không phân biệt với thứ tự Hậu thiên, vậy ta cần diễn giải thêm: Đứng về phương diện Tiên thiên thì những số này **có một sự quan trọng từ căn cơ** chứ không phải là thứ tự sắp xếp, có thể thay đổi ngôi vị, nhưng là **thứ tự cấu tạo nói lên yếu tính cho nên nó dính liền với nhau: Hễ thay đổi là đánh mất yếu tính, tức là sự đối đãi của Âm Dương**.

Nên hễ đã nói: 1 là Nước thì 2 là Hỏa; 3 là Mộc thì 4 phải là Kim, còn 5 thì vẫn là Thổ, chứ không được lộn thứ tự để nói 1 là Mộc, thí dụ. Vì **đây là đường diễn biến của Âm Dương**, nên là cái gì Nội tại mà Kinh Dịch đã nói: “ **Nhất Âm nhất Dương vị chi Đạo, kế chi giả Thiện dã, thành chi giả Tính dã** “ (Hệ từ. 5).

Đã nói là Đạo thì “**bất khả tu du li dã**” không thể lia dù chỉ một giây, nên lại noi là Tính tức là bản cốt yếu tính. Vậy hễ làm sai thứ tự thì không còn là Tính là Vật đó nữa. **Yếu tính đó là Âm Dương**



đôi lập nằm trong vòng Đạo Trung hòa. Giữa hai đối lập thể có một trung gian hoà giải. Nếu kép lên thì cũng theo luật đó, tức phải có Trung cung hòa giải và Sinh dưỡng, nên gọi là Nhị Năm (temps quinaire) tức là 1 – 5 – 2 chỉ hàng Dọc và 3 – 5 - 4 chỉ hàng Ngang hay là Vũ Trụ hoặc Thời Không đúc một. Chúng ta dễ nhận ra điều đó trong khi đặt những số thứ tự kia thành đồ biểu như sau: Đó là đồ biểu thứ tự Hồng phạm: Ta thấy số 5 chiếm một địa vị đặc biệt ở Trung cung.

4.-Ý nghĩa chữ Ngũ trong danh từ Ngũ Hành

Chữ Ngũ thường chỉ hiểu là số 5 hoặc là thứ Năm, nhưng đó mới là lối hiểu thông thường. Còn một nghĩa nữa sâu hơn, **chỉ Thiên Địa**. lúc đó 5 là số Thành của 3 + 2 tức là “ **Tham Thiên lưỡng Địa: 3 Trời 2 Đất** “. Hiểu như thế mới đúng với Đạo Âm Dương, một Lẻ, một Chẵn: một Đất, một Trời: có Ra mà cũng có Vô. **Do đó 5 được dùng làm số Trung tâm bao hàm ý Tiềm thể Tâm linh vậy.** Đây là lối hiểu bất

buộc khi xét riêng một chữ Ngũ. Vì lúc đó nó biểu thị lò cầu tạo uyên nguyên. Sự cầu tạo đó phải theo đúng luật Âm Dương, nói khác là luật Vũ Trụ, **hễ có Vũ phải có Trụ, hễ có Hoành, phải có Tung**, mới vẽ nên Thập Tự uyên nguyên Truyền thống (croisée originelle).

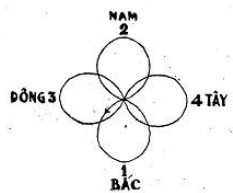
Nên hễ đã 1 – 2 : Thủy Hỏa làm Tung thì phải có 3 Mộc 4 Kim làm Hoành.

Đặt sai thứ tự là đánh mất Tung Hoành là làm mất Vũ Trụ. Và như Thế là “ Tâm bất tại “ mà thiếu Tâm thì còn chi là “ Ngô Tâm tiện thị Vũ Trụ.

5.- Ý nghĩa chữ Hành

Hành là đi, đi là Ra nên phải có Hướng, có Nơi tìm về (phản phục). Đi Ra phải Hướng về Trung tâm. **Trung tâm là Tròn là Trụ, còn Đi Ra là Vuông là Vũ:** Hiểu như thế mới đúng lược đồ căn cơ hai chữ Vũ Trụ của quan niệm Thời gian uyên nguyên, tức là ý thức tâm quan trọng của Thổ. Có hiểu được tầm quan trọng của của Thổ mới nắm được then chốt, nếu không sẽ gây lộn xộn, đánh mất yếu tố căn cơ như thường thấy.

Bởi vì ngay lời nói: **Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, Thổ** đã khơi mào cho sự lộn lộn đó, phương chi thứ tự đối kháng của Hoài Nam Tử: **Thủy, Hỏa, Kim, Mộc, Thổ** càng xa hơn, vì cả hai không đặt Thổ làm Trung tâm, nên không có Trung gian Hòa giải hai đối lập thế tức là lộn lộn hai bình diện vậy. Đem Thổ ở bình diện Trên (hay là Nội cũng thế) đặt xuống bình diện Dưới (hay là Ngoại) thì làm sao vẽ lên được Thập Tự nhai (croix originelle) mà **thiếu Thập Tự nhai thì còn chi là vòng Trong**, còn chi là tinh túy Tinh thần, cái còn lại chỉ là Khung Ngoài trống rỗng. Do đó chúng tôi thử đề ra một lối biểu thị mới gọi là **đồ biểu Hoa thị** để nói lên sự quan trọng của hành Thổ như sau:



Để vẽ biểu đồ Hoa thị nét bút phải qua Trung cung 4 lần tức là một mình Hành Thổ đã phải có 4 lần bằng 4 Hành kia cộng lại. Do đó nâng cao sự quan trọng của Hành Thổ.

Thực ra con số không thể diễn tả, vì Hành thổ thuộc Phạm ở một bình diện khác hẳn. Tuy nhiên tránh được sự cho Hành Thổ một số lượng y như con số bất kỳ nào yếu tố Thời gian

gọi là Tứ quý (cung Thổ nằm trong Sửu, Thìn, Mùi, Tuất) tức là **4 lần trở vào Trung cung ở cuối 4 mùa trong năm để Trai Tâm**. Nhờ sự Trai Tâm đó sẽ làm nhẹ bớt nguy cơ đặt Hành Thổ ngang hàng với Hành kia : trong thực tế sẽ là để Vật chất chông lên Tinh thần.

6.- Sự quan trọng của Hành Thổ

Hồng phạm có nhấn mạnh hành Thổ bằng cách thay chữ “ Viêt “ bằng chữ “ Viên “;

Thủy viết nhuận hạ: Tính chất của nước là nhuận xuống

Hỏa viết viêm thượng: Tính chất của Lửa là bốc cháy lên

Thổ viết giá sắc: Thổ ở trong giá sắc (Gieo gặt)

Thổ không có việc thẳng mà chỉ ở trong hai việc của Người (gieo gặt) như thế là Thổ không có làm cũng y như là Thổ không có mùa riêng. Có Xuân, Hạ, Thu, Đông cho 4 Hành kia mà

không có mùa thứ 5 cho Thổ, cũng như Thổ không có Phương Hướng thứ 5. Do đó mà có một số học giả cho Thổ là phụ thuộc vì không có Việc, không có Mùa, không có Phương (Xem Legge S.29 + 230), nhưng với triết Đông đó là chỗ đặc biệt của Hành Thổ. Chính vì **Thổ không có phương nên mới Thần diệu. Vì Thần vô**

phương nghĩa là vượt Không Thời gian nên mới được tôn lên bậc Hậu Thổ, đại diện cho Hoàng Thiên ở chung một cung: Đó là danh dự không hề bao giờ dành cho các Hành kia. Chính vì Thổ là Hành vô địa, không Phương riêng, không Mùa riêng, nên Thổ mới có thể che chở mọi Hành và vượt lên mọi Hành để ở vào một bình diện khác hẳn tức là siêu việt, vô hình : “ Hành vô hành “.

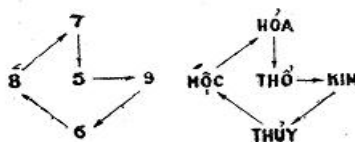
Đây là một điều tế vi rất dễ khuất mắt, nên dễ mất ý thức về nền triết lý Trung hoà này. Một nền triết lý mà diễn tả bằng tiêu biểu thì bao giờ giữa hai đối lập thể cũng có cái độn cái lót, có một miền phi quân sự nhằm mục đích giảm nhẹ mãi từ đọt căn cơ, sự đối kháng hoặc óc triết tam. Sở dĩ Thổ chơi nổi vai trò hoà giải đó vì nó không la trái độn thường, nhưng là trái độn siêu việt, nghĩa là ở trên bình diện khác hẳn với hai đối lập thể mà nó muốn hoà giải, không để cho bên nào diệt bên kia nhưng cả hai “ Tịch dục “ (symbiose) cùng sống trong những giới hạn mà Lý trí không thể phân định nổi được mà ta gọi là bổ túc, chính tinh thần bổ túc này mới là tinh thần của triết lý Việt Nho.

Vậy nếu không nhận thức được để cố gắng khôi phục lại địa vị cho Thổ, thì triết Việt cũng trở nên triết học về bản chất hoàn toàn chạy vòng Ngoài (bàng hành) y cứ trọn vẹn trên nguyên lý mâu thuẫn, triết tam, hết chất bổ túc của “ Âm Dương hoà “, như phần nào đã đã xuất hiện dưới hai bảng để gây lộn xộn do sự không hiểu được Tiên Thiên và Hậu Thiên, nên cần bàn luận thêm.”

III.- Tương sinh tương khắc

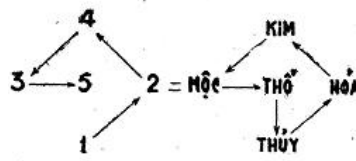
“ Bàn tương sinh tương khắc trong Nguyệt lệnh được Đổng Trọng Thư khai triển trong sách “ Xuân Thu phần lộ “. Bản tương khắc được Hoài Nam Tử và các Âm Dương gia Thuật sĩ chú ý. Trước hết đây là bảng Nguyệt lệnh về:

1.- Thứ tự tương sinh



Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy. Theo thứ tự 4 mùa và số Nguyệt lệnh Xuân 8, Hạ 7, Thu 9, Đông 6.

2.-Thứ tự đối kháng



Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc, theo thứ tự (Chú ý ngôi quay hướng Nam, tay trái là Đông, tay mặt là Tây, trước mặt là Nam, đó là đặc điểm chung của Viễn Đông, không nên đổi lại, có nhiều thành ngữ đã nói theo: như cổ “xe hư tả “đón người hiền, hiểu là ở phía Đông nếu đổi chiều Nam Bắc thì sẽ ra phía Tây. Vậy cần để nguyên thứ tự và cần chú ý, nếu không sẽ làm lộn đến yếu tính của hai Hành Thủy Hỏa. S. 555). Thủy, Hỏa, Kim, Mộc, Thổ như sau:

IV.- Sự khác nhau giữa Hà Đồ và Lạc Thư

Bảng đối kháng theo thứ tự số Lạc Thư. Lạc Thư khác Hà Đồ ở chỗ 2, 4 đổi chỗ cho nhau, để làm nên một hệ thống tiêu biểu mới, nhưng vì người sau không hiểu nên đã để cho gây nên biết bao lộn xộn che lấp mất ý nghĩa siêu hình của Ngũ Hành, muốn thấy lý do đó cần nhận ra 4 điểm sau:

1.- Số Sinh và Số Thành

Số Sinh: 1, 2, 3, 4, 5. Số Thành: 6, 7, 8, 9 (vì nó thành bởi $5+1 = 6$; $5+2 = 7$. ..)

2.- Số Đất và Số Trời

Số Đất: 2, 4, 6, 8. Số Trời: 1, 3, 5, 7, 9

3.- Vòng Trong vòng Ngoài:

Vòng Trong do số Sinh, Vòng Ngoài do số Thành.

4.- Hai Tinh thần của hai triết học

Môn phái triết học kê ra có tới hàng trăm, nhưng nếu lấy tiêu chuẩn vòng Trong vòng Ngoài gốc từ Ngũ hành mà phân loại thì ta có hai tinh thần triết lý:

a.- Một là triết lý vòng Ngoài

Xây trên nguyên lý Mâu thuẫn, thiếu Đất (**Hành Thổ**) làm chỗ Hội thông, nên dẫn tới triệt tam trong triết lý, và bất tương dung trên đường xử thế .

b- Hai là triết lý Ngoại Nội dung hợp

Nhờ **Hành Thổ** làm **Trung gian** nên có **bao dung** và **lấy Trung làm bản gốc**, lấy **Hoà làm chỗ đạt Đạo**. Nắm vững các then chốt trên làm căn cứ chúng ta khảo sát lại hai bản văn Sinh Khắc trên cương vị triết lý.

Về **bản Sinh** nếu xét nguyên lược đồ thì đúng với thứ tự Ngũ Hành, nên không là gì sai: nó là **thứ tự 4 Mùa**. Nhưng xét đến tên gọi và cách biểu thị thì sai, khi gán cho nó chữ Sinh, mà thực ra chỉ có giá trị kế tiếp (cùng một giá trị với xếp loại thuộc bình diện Dụng). Thế mà số kế tiếp không là số Sinh (cấu tạo) nhưng **chỉ là ước định nhân vi**, nó bắt nguồn từ ngày: Sáng, Trưa, Chiều, Đêm và mở rộng ra Xuân, Hạ, Thu, Đông đi với Đông, Nam, Tây, Bắc.

Đó là nhân vi ngoại tại vì **mặt trời từ Đông mọc lên đỉnh đầu, lặn về phía Tây, chứ không có xuống phía Nam rồi lên Bắc**. Thứ tự đó người ta gượng đặt ra để nói lên sự hòa hợp giữa 4 Hướng. Nó chỉ nhằm **diễn đạt đức Vũ vào Trụ**, thế thôi. Toute comparaison cloche . Mỗi biểu tượng chỉ nói lên được có điều nói được có điều nó muốn biểu thị, ít khi đi ra ngoài, mà không trật ý nghĩa: những con thú dùng biểu thị đức tính như Quy là Thọ, nếu hiểu là con vật đắm dưới bùn là sai.

Thứ tự Nguyệt lệnh là thứ tự xếp đặt (classification) gán cho nó chữ Sinh là sai, vì lúc ấy nó sẽ làm mất khía cạnh gián cách đối chọi của Xuân Thu, Đông Hạ như trong Hồng phạm, tức là đánh mất Thập Tự nhai của Âm Dương giao hợp. Và vấp phải nhiều vấn nạn chẳng hạn nói là Sinh nhưng ở đâu? Nguyệt lệnh cho số Thành là 6, 7, 8, 9 chứ có cho số Sinh 1, 2, 3, 4, 5 đâu mà bảo sinh? Lấy lý do nào mà bảo 8 sinh 7 và 7 sinh 5. . . , nếu lấy số Sinh thì cũng phải theo luật Âm Dương, có Âm Dương mới sinh, đây chỉ có duy Dương (tức số 3) hay duy Âm (số 2) trợ trợ thế làm sao mà sinh? **Cô Dương bất sinh, độc Âm bất thành.**

Xét đến mặt bản chất hỏi căn cứ vào đâu mà bảo Mộc sinh Hỏa.? Mộc có dưỡng Hỏa còn nghe được, chớ đâu có sinh Hỏa. Hỏa phải có rồi nó đốt Mộc. Nói rằng bã cặn của các thứ bị đốt sinh ra Thổ đã gượng lăm rồi. Đến như **bảng tương Khắc cũng mắc chứng như bảng tương Sinh và hai bên nương nhau mà xuất hiện. Vì thế hai bảng này chỉ nên dùng để sắp loại, chứ không xài được trong phạm vi triết. Tuy nhiên trong thực tế nhiều người lạm dụng hai bảng này.** Ngoài các Thuật sĩ Pháp môn khoái bảng này thì có các ông thích làm đảo chính dựa vào đó để biện minh cho

hành động của họ. Họ có thể làm phải: nhà Châu có thể dựa vào lý do chính đáng diệt nhà Thương, cũng như nhà Tần diệt nhà Chu, Và tức nhiên người đắc thắng thiếu gì lý do để biện hộ.. Thế nhưng các ông muốn có lý do y cứ trên nền siêu hình cho thêm giá trị. Tần Hoàng diệt nhà Châu tức là theo đạo Trời: Thủy diệt Hỏa vì Hỏa là đức nhà Châu, nhà Châu đức là Hỏa diệt nhà Thương đức Kim. . . Đâu có phải chúng tôi tham quyền, chẳng qua vì cái đức (hiểu là Ngũ Đế Đức của Ngũ hành) của triều đại trước đã cạn, nên đến lượt Hành mới lên thay đặng canh tân nguồn sống. Thiên cơ là thế thấy chưa ? Đây là truyện rất thông thường ở đời Thượng cổ là thời ưa Thần quyền giàu sách Thần khải , một phương thức thích hợp cho tâm trạng con Người thuở còn bán khai.

Thuyết Ngũ hành xuất hiện từ xa xưa làm sao thoát khỏi chuyện lạm dụng. Do đó mà hai bảng Sinh Khắc như trên được lạm dụng làm nền tảng cho thuyết Ngũ Đế đức vậy. Cái khuyết điểm chung là đặt Thổ ngang hàng với 4 Hành kia ở chỗ đi một vòng trở lại Thổ 1 lần rồi ra ngoài 4 lần liền. Như thế còn đâu là Thập Tự nhai? Đã vậy còn cho phép các Hành kia “ Sinh “ và “ Khắc “ **Thổ, quên mất vai trò Hậu thổ Trung cung với Hoàng Thiên và cùng với Trời sinh ra và che chở cho 4 Hành: “ Thiên phú Địa tải “ không biết ơn lại còn vô ý thức đến nỗi nói Mộc khắc Thổ. **Mộc làm sao khắc** được Thổ ? Nhái bèn kiện Ông Trời (có lẽ được ám chỉ trong Thần thoại “ Khoa phụ “, là tổ phụ các tay nói khoác, đòi tranh đua với mặt trời, nên bị chết khát . Xem Dances 262), hoặc **bảo Hỏa sinh Thổ chơi trò đến thế là hết cỡ**. Do đó hai bảng mang theo nhiều chất sấm vĩ tai dị, mở đầu cho những lời huyền ảo phù pháp. . .**

Tất cả những luận bàn tùm lum đó các đời sau không ai dám đả động chi tới, thành ra che lấp suốt hơn 40 thế kỷ nền triết lý Việt Nho đến khi trộn vào với Kinh Dịch thì làm ra một thứ huyền hoặc tai dị, như ông Wilhem phàn nàn trong I – Ching I. P. 382 mà ông gọi là hocus pocus.

Muốn dùng hai bảng đó cho đúng ý nghĩa triết lý thì nên coi như toàn khối với hai chiều đi trái ngược nhau: một Sinh xoay lối Phải, một Khắc xoay lối Trái,

kiểu như Hà Đồ Lạc Thư hay hai chữ Văn, Vạn: tức cũng là lối Âm Dương đối đáp nhưng đã được mở rộng ra để áp dụng vào đời sống. Giữ nguyên lối nhìn toàn diện đó thì thoát lộn xộn mà thêm được một biểu thị rất đẹp cho sự triển khai Minh triết.

Ngoại giả chỉ nên coi đó như những bảng dùng để xếp loại, chẳng hạn trong y học giúp cho dễ nhớ những kinh nghiệm đã tích lũy.”

V.- Nguồn suối hữu thực

“Đầu bài đã nói về nguồn gốc văn học, ở đây xin bàn về nguồn gốc hữu thực (ontologique) tức là căn cơ triết học. Rất nhiều học giả định tính văn minh Viễn Đông là một nền Văn minh biểu tượng (civilisation emblématique). Nói như thế tuy có đúng, nhưng chưa đủ xác thiết. Vì thực ra nền văn minh nào cũng có thể gọi là biểu tượng, bởi chung ít hay nhiều đều có dùng biểu tượng lấy ở tinh đầu hoặc các hiện tượng.

Sở dĩ Việt Nho đặc trưng là ở trong chỗ biết vượt qua biểu tượng để đi vào trung cung, nên đặc trưng nằm trong chỗ Siêu Việt chứ không trong chỗ Biểu Tượng.

Vì thế cần xác định một số điểm sau đây: Đứng trước cảnh tượng uy nghi của trăng sao vận chuyển, con người có thể có 3 thái độ: một là tỏ ra khiếp nhược kinh sợ, rồi từ đây tin là đã được nghe những mệnh lệnh truyền khiến điều này điều nọ, đó là thái độ của Vu nghiễn, Ma thuật. Cũng có thể xem thấy ở tinh tú những ảnh hưởng huyền bí chỉ huy đời sống và số kiếp con Người và đó là thái độ của chiêm tinh thuật số. Cũng có thể xem tinh đầu biểu lộ đường vận hành của Vũ Trụ tức là đường đi của Thời Không và con Người nương theo đó rút ra tự Lòng Minh những quy tắc hướng dẫn đời sống. Chỉ có lối nhìn thứ ba này mới là của Văn minh Việt Nho có tính cách thực hiện và gọi được là y cứ trên khoa học Thiên Văn, nó là thái độ của con Người có tâm thức tiến đến độ cao mà ta quen gọi là Hiền triết. Đó là thái độ của Khổng Tử khi ông nói: “Dụ dục vô ngôn: Tứ thời hành kiện, bá vật sinh yên, Thiên hà ngôn tai!” (L.XVII. 18). Phải Trời không nói, nhưng Trời có giúp cho ít dấu hiệu: “Tự Thiên hữu chi” (H.T. 12). Nên con Người vẫn phải làm lấy: Một đàng “Ngưỡng dĩ quan ư Thiên văn, dĩ đạt ư Địa lý” (H.T.4), nhưng đàng khác vẫn

phải “Quan kỳ hội thông. . . , nghi nghị dĩ thành kỳ biến hoá” (H. T. 8). Xem Trời ngắm Đất rồi trở lại Lòng tìm ra nơi hội thông cũng gọi là “Thiên Địa chi Tâm” vượt tầm tai mắt để mà nghĩ ngợi, để mà định đoạt con đường thực hiện sự tiến hoá của mình, nghĩa là một đường lối có Ngoại: ngắm Thiên văn Địa lý mà cũng có Nội, tức là Tâm tư, cho nên có thể gọi là con đường thực nghiệm và quân bình vượt xa hẳn những lối Ma thuật hay mơ mộng khác thiếu nền móng vững chãi, hầu hết thiên lệch hướng Ngoại. Theo lối thực nghiệm đó thì luật thiên nhiên không phải được khải thị một lần, nhưng từng giờ từng khắc, không phải bằng lời nói, nhưng bằng sự vận hành của thời của khắc, của trăng sao tinh đầu: Người là giống linh tính, xem đó mà tìm hiểu: “Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức” (Dịch quẻ Càn), vì nó cũng vận hành theo một quy luật tổng quát của vạn vật. Đó chính là tinh thần Kinh Dịch, nền móng của văn minh biểu tượng, nên 64 quẻ là 64 biểu tượng, và sau mỗi tượng có một câu “Quân tử dĩ . . .”, nghĩa là người quân tử coi theo đó mà rút ra luật tắc đáng xử lý tiếp vật. Thi dụ về quẻ Vô vọng 25, lời Kinh nói rằng: “Tượng viết: Thiên hạ lô hành: vật dĩ vô vọng. Tiên vương dĩ mậu đối thời dục vạn vật” (Chữ mậu cũng như chữ mậu kỷ ngày xưa viết có thảo đầu, chỉ làm tốt tươi, rất có thể ảnh hưởng văn hóa nông nghiệp Việt Nho), nghĩa là dưới trời sấm chạy là tượng quẻ Vô vọng: vạn

vật đạt tình trạng thiên nhiên không lỗi (đúng: không sai với tính Trời phú cho), nên Tiên vương xem đó mà làm tốt đức của mình đặng hợp với thời Trời mà nuôi dưỡng vạn vật“. Đại để đó là lối hiểu chính truyền và nhờ đó mà văn hóa Việt Nho không bị mắc kẹt ở Biểu tượng lý trí, nhưng vượt lên qua Linh tượng để đạt nguồn suối của Linh đức như đã bàn trong cuốn Loa Thành Đồ Thuyết, trong đó có nói đến những khó khăn rất nhiều mà Tâm thức phải vượt qua để đạt độ “Kinh Đức Bình Triết“. Vì thế không lạ khi thấy bên Viễn Đông các đời sau nhiều khi không giữ đúng, hoặc **nhuộm màu Ma thuật như lối tôn giáo Vu Nghiễn đời Thương, hoặc quá nhân vi, văn học, thuật số như đời nhà Châu, hay là chi li sấm vĩ như một Châu Diễn hay một Đồng Trọng Thư...**

Tuy nhiên không lúc nào yếu tố biểu tượng khoa học bị vùi lấp hẳn nên vẫn duy trì được nền thống nhất tương đối khá hơn các nơi. Để có một ý niệm khác trung thực hơn ta hãy thử mượn tượng ra mình đang đứng trong đêm tối, tay cầm một que, đầu có than hồng và đưa mau que để vẽ lên hình Hoa thị. Hoa thị tồn tại bao lâu chiếc que hồng chạy mau đủ để vệt sáng kịp nối tiếp nhau đều là giả thiết rằng que lửa cũng chỉ hồng cháy mỗi khi trở lại tìm hoa để “sạc-đề: charger“ lại sinh khí đã tiêu ra ngoài, hầu trở ra vẽ cánh hoa thứ hai, và cứ một xuất, một nhập như thế để vẽ cánh ba rồi cánh bốn... Thí dụ đó nói lên phần nào **quan niệm vật biến dịch theo đường Ngũ Hành**. Quan niệm như trên khác hẳn với quan niệm bất động của triết học Lý niệm, vì ở đây là quan niệm theo Dịch lý trên một quá trình luôn luôn hoạt động, luôn luôn đi tới, nhưng không đi tứ tung ngũ hành hay là tứ tung ngũ thổ hay là ngũ quy tâm tức là đi về nội giới để duy trì Luỡng nhất tính là “Hợp Nội Ngoại chi Đạo“: một bước Ra lại một bước Vào. Nếu chỉ có vòng Ngoài thì như Thần Công Công vì sàu hận húc đầu vào núi Bất Chu: “**Cộng Công nội xúc Bất Chu chi sơn**“. Chu sơn là chu tri, còn bất Chu sơn chỉ cái biết không tròn đầy (Xem Liệt Tử CV. Couvreur. tr. 130). Chính cái biết không tròn đầy này làm cho trời long đất lở, khổ lụy chín châu. Phải nhờ Bà Nữ Oa vá trời và cắt 4 chân rùa đội đất cho khỏi nghiêng lật. Đó là chỉ nền Minh triết Việt Nho chú trọng số 5 thay số 4, 6, 8 của Hoa tộc. Nói cắt 4 chân có ý chỉ không bám sát vào 4 góc, 4 hành ngoài, vì thế không còn nơi Thông hội với rời ở hành Năm. Và lúc ấy không còn là Đạo Hành, mà là Lộng Hành (activisme) vì thiếu sức lưu nhuận của sinh hoạt Đạo thể, thiếu tiếp xúc thường xuyên và trở nên khô cạn yếu ớt như bóng ma trôi. Đây là tình trạng bi đát của con người hiện tại cầm đầu chạy trong vòng Ngoài mà thiếu hẳn căn cơ của vòng Trong. Cái được mệnh danh là vòng Trong đã bị hạ xuống cùng đợt với vòng Ngoài: tức là để mất tính chất Tâm linh của Thổ, và cuộc chạy trở thành cuộc diễn hành của đèn kéo quân chỉ còn Bóng với Hình thiếu mất Tâm linh tự Nội phải nhờ khói đẩy vòng quanh.

Đạo giáo được thiết lập ra là cốt cho Đạo “Tương Hành“ cho sinh khí Đạo lưu nhuận mọi hành vi cử chỉ, nhưng thiếu Nội khởi của Thổ Thần, nên hầu không giúp chi được vào việc thiết lập mối tình huynh đệ để phổ biến cái đích điểm rõ rệt nhất của mọi nền Đạo lý chân thực. Những mục tiêu khác như “tri Thiên, tri Địa“ còn xa xôi, chỉ như “ái Nhân“ là hậu quả thiết yếu và ở tầm kiểm soát được. Vậy mà để có thể “ái Nhân“ thì cần “an Thổ“. Có “an Thổ đôn hồ Nhân“ mới “có năng ái“ (H.T.IV). Có an Thổ mới đủ khả năng yêu thương nghĩa phải có nơi an trú cho Tâm hồn, mới gặp nền tảng cho tình yêu dung thông khắp cõi: Dầu đến tứ hải cũng là huynh đệ.

Vì có đạt Trung điểm 360 độ, còn khi ở một trong 4 cực bộ thì chỉ bao được có 90 độ hay ¼, tức là có nhất hải được coi là huynh đệ, còn tam hải gây ra ngoài, theo những kỳ thị màu sắc tôn giáo dòng tộc hoặc đẳng cấp. Chỉ chấp nhận có bản cố nông, có lao động chân tay, thí dụ, và lúc ấy không thể cố năng ái, mà chỉ cố năng “gây hận thù,

gây hiềm oán “ . . . Và nhiều khi nhất hay nhị hải mà đã “ giai sài lang “ rồi, thay vì giai huynh đệ.

Môn phái triết học Ionien ở Hy Lạp chủ trương tứ Hành : Nước, Lửa, Đất, Khí . Nhưng có lẽ vì thiếu Hành Thổ , nên Thales chủ trương vạn vật do Nước, Héraclite bảo do Lửa. Phải chăng đó là nguồn suối các sự thiên lệch, các thứ duy vật sau này : Duy Vật, Duy Tâm, Duy Kiện. . .

Triết lý Ngũ Hành chủ trương ngược lại là nhận ra Nước Lửa là một trật. Sờ dĩ dám nhận cả hai Hành trái ngược đó tiêu diệt nhau, nhưng lại điều hoà nổi là nhờ có **Hành Thổ Trung cung cũng gọi là Địa linh, Địa mẫu**, nên thay vì tương Khắc, thì “ Thủy Hoà tương đãi “ (Thuyết quái VI) : Nước Lửa bổ túc cho nhau: Water and Fire complement each and other. (W. 292). “ Nhiên hậu năng biến hóa “ : nhờ đó có thể tiến hoá. Nhờ đó mới có thể : “ **Tri chu hồ vạn vật, nhi đạo tế thiên hạ cố bất quá. Bàng hành nhi bất lưu. Lạc tri thiên mệnh cố bất ưu. An thổ đôn hồ nhân cố năng ái** “ (H.T.IV) : Biết trọn được (chu tri) vạn vật nên gây được an hoà khắp cõi. Vì vậy không đi quá. Hoạt động vòng Ngoài mà không bị trôi theo lưu tục. Thấu hiểu mệnh Trời nên không ưu sầu. Yên nghỉ lại nơi Thổ Tâm linh và đôn hậu Tình Người, nên có thể yêu thương bằng tấm lòng chân thực “.

VI.- Triết lý Ngũ Hành

“ Triết lý Ngũ Hành cũng chính là triết lý Tam Tài, nhưng được quảng diễn rõ hơn bằng cách rút nhỏ biểu tượng lại cho vừa tầm sức con Người hầu để triển khai các khả năng tiềm ẩn. Biểu tượng ở Tam Tài là Thiên, Địa ở Ngũ Hành là Thủy, Hỏa, Kim, Mộc.

Thiên Địa thì bao quát, nhưng mệnh mỏng, nên cần hạ xuống một độ nữa, đó là Thủy, Hỏa, Kim, Mộc, là những cái gần gũi thiết yếu cho đời sống. Từ Thủy, Hỏa sẽ dễ dàng bước vào đến tận Nhân Tính, tức là phần sâu thẳm nhất. Vì Tính kép bởi chữ Tâm và Sinh (性 = 忄 + 生 ; 忄 = 心). Thế mà Sinh có liên hệ nguyên nguyên với Thủy. Vì được coi là **nguồn sống sơ nguyên** như câu nói của triết Nho: “ **Thủy vi vạn vật chi nguyên** “ : Nước là nguyên thủy của vạn vật.

Còn Tâm liên hệ với Hỏa, chỉ cái gì sáng soi đốt nóng . Nếu Tâm chỉ Siêu thức hướng dẫn Tâm hồn, thì Hỏa cũng là cái gì soi sáng hướng dẫn, cai trị, ra mẫu mực như trong ý tưởng của Héraclite qua lối trình bày của Heidegger. “ Khi Héraclite nói về Lửa thì ông nghĩ hơn hết đến cái sức sáng soi hướng dẫn và bao trùm lên mọi hoạt lực : Quand Héraclite parle du éclair, la direction qui domine et reprend les mesures “ (VA).

Thánh Kinh mở đầu mở đầu bằng câu: “ **Thần linh chúa bay phủ trên mặt Nước “ thì ở đây Thần linh chỉ ánh Quang linh, chỉ ý tưởng tạo dựng, còn Nước chỉ nguồn sống sơ nguyên vậy.**

Trong Ngũ Hành yếu tố Hòa chỉ phần Tâm tưởng, phần sáng soi vào cái sống âm u vô định để hướng dẫn, để tìm ra các ý tưởng là phần soi dõi cho đời sống Tâm tình.

Hai yếu tố Tâm và Sinh đó hoà hợp giao tham làm nên Tính của Người cũng như Vạn vật. Sau hai yếu tố Thủy Hỏa đến hai yếu tố Kim Mộc, nó cũng là một cặp Âm Dương, nhưng biểu thị cách cụ thể Định Hình nhiều hơn và do đó có thể coi

như một thứ mức thang phân loại vạn vật từ sống và mềm như Mộc, dẫn tới loại cứng và “ vô tri giác “ như kim thạch. Vậy với hai yếu tố Thủy Hỏa ta có nét Dục Định Tính Tiên thiên, với Mộc Kim ta có thêm hai yếu tố Định Hình để phân Tính ra nhiều Loại, nhưng vẫn còn là Tiên thiên, nên nói là “ Vô hồ xứ giả “ :

Chưa có ở nơi nào, mặc dầu đã có thực. Nó sẽ hiện hình cụ thể ra cá vật ở các đợt sau như đã bàn ở các chương về cá biệt hoá.

Trở lên chỉ là những phân biệt trong lý trí giúp ta dọi một vài tia sáng nhỏ vào cõi Tâm linh, vì trong thực tế hai yếu tố đó giao hợp khăng khít không thể chỉ hẳn ra đâu là Thủy Hỏa, đâu là Kim Mộc. Tuy nhiên cần đem vào không những để có vài ba ý niệm sơ sài về Tính vật, nhưng cũng nói lên **một chân lý nữa chưa được đề cập ở Tam Tài, đó là Biến Dịch.**

Ở Tam Tài mới nói đến “ Hoạt lực “ (Tài) cách chung, đến đây mới đặt nổi ý tưởng về chiều hướng của Tâm Tài: Đó là Hành. Vì thế dùng Thủy Hỏa tiện cho việc biểu thị Biến dịch hơn: Vì Thủy luôn luôn chảy xuống, Hỏa luôn luôn bốc lên . Cả hai đều biểu lộ ý tưởng biến dịch và khi đặt vào liên hệ đối đãi thì nói lên ý tứ **Biến dịch theo chiều hướng hòa hợp trong tư thái quân thiên. Ý niệm Biến dịch này liên hệ chặt chẽ với biểu tượng Biến dịch trong Kinh Dịch là Nhật Nguyệt. Trong đó Nhật liên hệ với Hỏa, Nguyệt liên hệ với Thủy (hiện tượng nước Thủy triều gắn liền với Nguyệt, vì thế mà chúng ta có phương trình sau:**

**Thiên Nhật Hỏa Tâm
= Tính
Địa Nguyệt Thủy Sinh**

Phương trình trên nói lên mối Nhất quán của Việt Nho được chỉ bằng nhiều biểu tượng khác nhau. Nhưng khác nhau đến đâu bao giờ cũng đi đôi mà lại ngược chiều. Có đi đôi mới có Biến dịch . Nhưng để cho sự đi đôi không chỉ là đối kháng bên ngoài có thể đi đến tiêu diệt nhau, thì phải có vòng Trong để đối kháng trở thành đối đãi, bổ túc, tương thấu, tương nhập. Do đó mà cần có sự quân bình giữa hai yếu tố nghịch hành như Thiên với Địa, Thủy với Hỏa, Tâm với Sinh mà gốc Tâm lý là Tính con Người, hễ nghiêng về một bên là ú trệ , là hết cuộc hành trình, hết quá trình biến thông. Để đặt ý tưởng quân bình này thì quen dùng các số Trời là : 1, 3, 5, 7, 9. Trong 5 số Trời thì số 5 lại còn ở giữa vì thế mà tiên Nho nói: “ **Trung hoà cực thịnh hồ Ngũ** “: Trung và Hoà hơn hết là ở số Ngũ. Như trên đã nói số Ngũ chỉ sự hoà hợp Trời Đất trong thế pha độ bình quân nhất là : Trời 3 Đất 2 (Đất 4 Trời 1 thì quá lún). Vì thế nói Ngũ Hành cũng có nghĩa là như hành động theo Trời. Nếu làm được như thế thì rất Thánh, ngang hàng với Trời như **Tề Thiên Đại Thánh** là Thánh to ngang với Trời. Đó là tên mà thuyết thường đặt cho **Thạch Hầu** và đi theo Đường Tăng sang Thiên Trúc thỉnh Kinh nên cũng gọi là Hành giả, có khi là **Tôn Hành Giả**. Chữ tôn này liên hệ với chữ Chí Tôn mà triết lý Ấn Độ thường dùng để chỉ đấng Tối cao. Đi thỉnh Kinh tức là tìm đến chỗ Chí Tôn, Chí Cực. Muốn thế thì phải trung thành. Điều đó được biểu thị bằng việc mỗi khi Hành giả đánh nhau **bị tử**

thương mà khi tiếp cận được với Đất thì phục sinh lấy lại được sức vóc nguyên tuyền. Đây là ý nghĩa sâu xa của triết lý Ngũ Hành mà chúng ta còn thấy biểu thị ra trong nhiều ẩn dụ rất cần nhắc nhở lại cho con Người hiện đại đang bị quật ngã bởi nền văn minh máy móc.”

VII.- Trở lại đất Tổ

“ **Antée** là nhân vật Thần thoại có sức mạnh phi thường vật nhau được với **Thần Hercule** là hiện thân của sức mạnh có thể địch muôn người. Nhưng đến sau Antée tiếp xúc với Đất thì liền lấy lại được sức mạnh đã mất cho nên tìm cách nâng bổng Antée lên khỏi mặt Đất, nhờ đó mà Hercule thắng được Antée.

Antée chính là hình ảnh con Người hiện đại đang bị thần Hercule mới là nền văn minh cơ khí vô hồn và Duy Vật tóm cổ xoay như chong chóng trong cơn lốc ở ngoài biên cương đầy xáo động không sao trở lại được với “ Địa Linh, Địa Mẫu “ để có thể bồi dưỡng sinh lực tinh thần đã kiệt quệ, đang lê khắp 4 nẻo mà không tìm thấy cửa trở lại Địa đàng đã mất từ ngày Eva bị tống cổ ra. Đứng ở quan điểm triết lý Ngũ Hành mà luận thì Bà Eva có hai điếm thất sách: Trước hết nêu thêm chua thì nói với Adong thu xếp cho, vì Nam Ngoại, Nữ Nội. Nội Thánh, Ngoại Vương. Sao bà Nội tướng lại bỏ ông ở nhà, rồi **tự ý một mình ra Ngoại, ra khỏi Trung tâm?** Điều thứ hai mới quan trọng thì ăn no rồi thì về Tay Không, chứ đây **đưa ‘ trái biết Lành biết Dữ vào nhà** .Hồng là ở chỗ Ấy, ở chỗ biến Trong ra Ngoại, tức là **cái Trong làm bằng chất ở Ngoại.** Đó là điều hồng ngay ở đọt vật lý: Không thể dùng kiến thức “ đại vật lý “ cho “ vi thể “. Như Bachelard dặn đừng có đưa kiến thức ở đọt hiện tượng vào đọt vi thể. Nói khác **đem phạm trù của trí thức la tập (logique) của kiến văn vào cõi Đạo u linh** thì từ đây xoay chiều nào cũng là phiến diện. Vi Đạo phải thuộc phạm vi Tâm linh u uẩn huyền vi. **Chỉ có thể lấy Tâm tình luyện mà cảm chứ không thể lấy óc đếm đo mà mà biện lý lẽ được.** Người ta nói triết cổ điển đánh mất Đàn Bà tính là thế, tức là đánh mất cái phần Linh tính và Tâm linh chỉ còn toàn lý với lẽ thì có khác chi bà Eva ra hái quả cấm đưa về nhà vậy.

Triết lý mất Đàn bà là mất Ngũ Hành, chỉ có 4 elements mà thiếu Quinta essentia thiếu tinh thể thứ Năm, cũng gọi là Ngũ cốc (cốc chính nghĩa là nuôi), tức là cái Ngũ có tính cách “ nuôi dưỡng Tinh thần “ và như vậy là triết lý hết tiếp xúc với “ Đất Mẹ quê Tổ “ mà trong sách Liệt Tử kêu là “ tức Thổ “ với lời chú thích: “ Tức thổ bất hao, diệp quật chi ích đa : Tức Thổ là loại Đất không thể hao hủy được, càng đào xuống lại thêm lên “ (Dances 465) . Đó là thánh địa gặp trong mọi ngành Truyền thống. Đó cũng là **đất làm ra “ Tạo hóa lu “ mà bà Nữ Oa luyện đá Ngũ Hành** đặng vá lại Trời Đất đã bị thần Cộng Công làm xiêu vẹo nghiêng lệch khiến cho “ Thiên bất túc Tây Bắc, Địa bất mãn Đông Nam “ . (Diễn bằng số thì Tây - Bắc là 4 -1 mà Đất 4 Trời 1 nên nói Thiên bất túc Tây Bắc, Còn Đông - Nam là 3 -2, 2 Đất ít hơn là 4 ở phía Tây, nên là bất mãn) hoặc ta có thể nói (*tuy số Trời là 3, số Đất là 2, 2 nhỏ hơn 3, nhưng không thể để cho đầy : mãn nghĩa là đủ, hai số bằng nhau, vì nếu không có sự cách biệt thì sẽ không thể biến hoá : Người trích thêm vào*).

Trời sụt phía Tây Bắc (thiếu Tinh thần). Đất không đủ phía Đông Nam (đói nghèo). Liệt Tử ghi : “ **Ngũ sắc thạch luyện, dĩ hòa Âm Dương:** Luyện Ngũ Hành là phương pháp làm cho Âm Dương hoà hợp cân bằng .

Sở dĩ Nho triết cân bằng hơn là nhờ Bà Nữ Oa không có lên ra Ngoại hái trái cấm nhưng luôn luôn ở lại nhà để “ nấu đá vá Trời “, vì thế mà Bà cũng có tiếng đã thiết lập ra phép Hôn phối, đuôi lúc nào cũng cuộn lấy đuôi Phục Hy (Xem hình trong bài Tinh hoa Văn hoá Việt ở sau). Phục Hy xuất hiện bên Ngoại nên

Trắng bạch, Nữ Oa tàng ẩn bên Trong nên Đen (hắc) Lão tử viết: “ **Tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc, vi thiên hạ thức** “ (DK 28) : Biết được Trắng mà vẫn giữ được Đen đó là khuôn thước cho thiên hạ (Trắng là rõ ràng cho Ý thức, còn Đen thuộc Tâm linh không rõ cho Lý trí). Khuôn thước ở đời là hoa sen trắng ở giữa bùn sen. Mỗi vật có một vai trò, mỗi người có sứ mạng là đem là đem ra thực hiện một hình thái nào đó trong cái kho Tiềm thể phong phú vô biên của Càn Khôn Tạo hoá. Những khả năng đó được cụ thể hóa trong cõi hiện tượng bằng thước Vuông trong tay Phục Hy tức là những sự khúc khuỷu, tư riêng hạn hẹp của một hình thái và hoàn cảnh nhất định mà mỗi người được sai vào đó để làm sao trong những hoàn cảnh khó khăn như thế mà vẫn chu toàn được sứ mạng vẫn “ thủ kỳ hắc ”, vẫn luôn luôn giữ được Đạo thường là “ **Hỏa viêm thượng, Thủy nhuận hạ** “ .

Vì thế mà ở hàng Ngang trong thực tế có khi khúc khi trực, có lúc tòng mà cũng có lúc cách. Cũng có Khúc để rồi mà Trực, cũng có khi Tòng để rồi Cách. Hoa hiếm mới có người gặp hoàn cảnh như ý, còn hầu hết đều gặp những khu vực sinh lý xã hội rất hạn hẹp, nhưng phải chấp nhận để rồi sửa đổi, và làm đà tiến đến chỗ hiện thực Đạo Tâm.

Có khó khăn như thế mới có dịp để mài dũa óc linh hoạt, luyện tập óc tinh anh. Vì tài ba không là chi khác hơn là biết chấp nhận những thách đố của hoàn cảnh. Quân tử là ở đâu cũng phải có thể an nhiên: “ **Quân tử vô nhập nhi bất tự đắc yên** “ (T. D.14). Nếu như hoàn cảnh thuận lợi hoàn toàn thì chẳng cần phải quân tử cũng có thể an nhiên tự tại được. **Nếu như hoàn cảnh đầy bất trắc thì muốn an nhiên tự tại phải là quân tử, nghĩa là người hiểu biết và hiện thực nổi triết lý Ngũ Hành.**

Tóm lại thì triết lý Ngũ Hành chính là Đạo như Tiên Nho nói : “ **Hành diệc Đạo cho thông xưng** ” = Chữ Hành cũng thường dùng để chỉ Chữ Đạo, Đạo là Đi, nhưng Đi theo một hướng là Trời Đất, Thiên, Địa, tuy nhiên không là Trời Đất cứng nhắc nhưng là uyển chuyển như Nước với Lửa .

Kim Mộc là hàng Ngang vừa chỉ mức độ cao thấp phân biệt các thứ loại (espèce) vừa chỉ những hoàn cảnh khác biệt, do đó cần phải uyển chuyển khi lên khi xuống tùy thời, vì nếu Đạo là Đi, là Hành trình thì bắt buộc phải linh động uyển chuyển như thế. Theo đường Đi uyển chuyển mà **không rời xa Đạo gọi là Ngũ Hành vậy: “ Bàng Hành nhi bất lưu “./.**

Kim Định và Việt Nhân